

UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM
HỘI ĐỒNG BT, HT VÀ TĐC DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, trên địa bàn phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm
(Kèm theo Quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Hộ khẩu thường trú:

- Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Hộ khẩu thường trú:

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

- Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất:

- Tổng diện tích đất đang sử dụng:

Trong đó:

+ Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án:

Trong đó:

+ Đất nông nghiệp giao theo ND 64/CP:

+ Đất do UBND phường quản lý:

+ Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án:

- Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp được giao theo quy định bị thu hồi đến thời điểm hiện tại:

Các đồng sử dụng và các đồng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Ngô Thị Gái

TDP Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Các đồng sử dụng và các đồng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Ngô Thị Gái

TDP Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

TDP Viên 5, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

4 khẩu (Trong đó: 04 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ)

46,0 m²;

46,0 m²; (01 thửa)

46,0 m²;

0 m²;

0 m²;

100,0 %

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất Nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP	m ²	46,0	252.000	100%	11.592.000	
Tổng cộng: (A)						11.592.000	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP:

STT	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới (6)=(4)x(5)	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có (9)	Mức bồi thường (10)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng: (B)											0	

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP:

STT	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới (6)=(4)x(5)	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có (9)	Mức bồi thường (10)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng: (C)											0	

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Cây Mít: Loại 15cm ≤ ĐK thân < 20cm, cao ≥ 3.5m	cây	2,0	682.500	80%	1.092.000	
2	Cây Lộc vừng: Loại 7cm ≤ ĐK thân < 10cm	cây	2,0	189.000	80%	302.400	
3	Cây Bưởi: Loại 10cm ≤ ĐK thân < 15cm, 3m ≤ cao < 4m	cây	1,0	239.400	50%	119.700	Vượt mật độ ≤ 30%

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

III. TỔNG TIỀN BT, HT VÀ TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)

94.205.100 đồng

Chín mươi tư triệu, hai trăm linh năm nghìn, một trăm đồng

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân